



**TAN CANG
LOGISTICS**

EFFECTIVE SUPPLY CHAIN SOLUTION

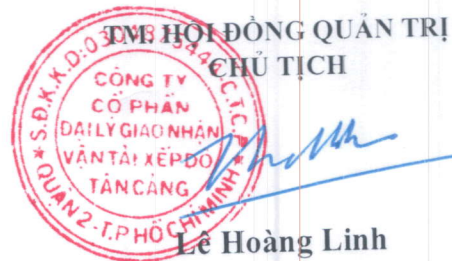
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG
470, Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP HCM
Mã số doanh nghiệp: 0304875444
Website : <http://tancanglogistics.com>

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hội đồng quản trị Công ty CP Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (TCL) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- 1. Thời gian:** Từ 08^h00 – 11^h30 Thứ Ba, ngày 15/6/2021.
- 2. Địa điểm :** Hội trường TCL Biullding (470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh).
- 3. Thành phần tham dự:** Cổ đông theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 04/5/2021 (DS của TTLKCK).
- 4. Nội dung :**
 - . Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - . Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020; Kế hoạch SXKD năm 2021.
 - . Báo cáo kết quả đầu tư năm 2020; Kế hoạch đầu tư năm 2021.
 - . Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
 - . Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.
 - . Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2021.
 - . Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020; Kế hoạch PPLN, chia cổ tức năm 2021.
 - . Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2020; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS 2021.
 - . Phương án trả lương của công ty năm 2021.
 - . Đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn.
 - . Sửa đổi Điều lệ Công ty; Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
 - . Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - . Nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 5. Tài liệu sẽ được công bố tại địa chỉ: www.tancanglogistics.com từ ngày 24/5/2021.**
- 6. Mọi thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021, quý cổ đông vui lòng liên hệ với Công ty như sau:**

Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
Địa chỉ: 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Người liên hệ: Ông Đào Tuấn Anh - Thư ký công ty
Điện thoại: 0903821334
Email: anhdt@saigonnewport.com.vn



Lê Hoàng Linh



MỤC LỤC TÀI LIỆU ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Trang 1).
2. Quy chế làm việc và biểu quyết (Trang 2-6) .
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị (Trang 7-18).
4. Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát (trang 19-23).
5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 (Trang 24).
6. Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Trang 25).
7. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 (Trang 26-27).
8. Tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020; kế hoạch năm 2021 (Trang 28-29)
9. Tờ trình chấp thuận phương án trả lương 2021 (Trang 30).
10. Tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Trang 31).
11. Tờ trình về việc miễn nhiệm TV HĐQT, TV BKS và bầu TV HĐQT, TV BKS thay thế (Trang 32).
12. Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ công ty (Trang 33).
13. Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Trang 34).
14. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT (Trang 35).
15. Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; mẫu đơn ứng cử; đề cử; mẫu biên bản họp nhóm cổ đông; mẫu SYLL và tóm tắt thông tin ứng viên HĐQT/BKS (Trang 36-47).
16. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp (Trang 48-55).
17. Dự thảo Điều lệ công ty.
18. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
19. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
20. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
21. Mẫu Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử.



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 8^h00 –11^h30 Thứ ba ngày 15/6/2021

Địa điểm: Hội trường tòa nhà TCL Building (Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

STT	NỘI DUNG	TỪ	ĐẾN
I KHAI MẠC ĐẠI HỘI			
1	Tiếp đón đại biểu, khách mời và đăng ký đại biểu.	8:00	8:30
2	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc Đại hội.	8:30	8:35
3	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu và tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.	8:35	8:40
4	Giới thiệu và thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu.	8:40	8:45
5	Thông qua Quy chế làm việc, chương trình và thời gian Đại hội.	8:45	8:50
II NỘI DUNG ĐẠI HỘI			
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021. Báo cáo kết quả đầu tư năm 2020 và kế hoạch đầu tư năm 2021. Báo cáo tài chính năm 2020 (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán.	8:50	9:15
2	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	9:15	9:25
3	Các tờ trình tại Đại hội: – Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021. – Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. – Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020; KH phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021. – Tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS 2020; KH thù lao HĐQT, BKS 2021. – Tờ trình phương án trả lương của công ty năm 2021. – Tờ trình đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn – Tờ trình miễn nhiệm TV. HĐQT; TV BKS và bầu thành viên thay thế. – Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty. – Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty. – Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	9:25	9:50
4	Đại hội thảo luận.	9:50	10:20
III BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ			
1	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo.	10:20	10:35
2	Nghỉ giải lao.	10:35	10:45
3	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo.	10:45	10:50
4	Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS;	10:50	10:55
5	Bầu cử, bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS	10:55	11:10
6	Công bố kết quả bầu cử.	11:10	11:15
IV BẾ MẠC ĐẠI HỘI			
1	Thông qua Biên bản, nghị quyết Đại hội.	11:15	11:25
2	Bế mạc Đại hội.	11:25	11:30



**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;

Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng năm 2021 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **04/5/2021** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi tắt là Đại biểu) khi tham dự Đại hội đề nghị ăn mặc nghiêm túc, lịch sự, có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội, Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội; Không hút thuốc trong hội trường; Không nói chuyện to để ảnh hưởng đến đại hội; để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy.

4. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tịch đoàn cho phép.

Điều 2. Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Thư ký Đại hội

1. Thư ký của Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử. Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Thư ký:

a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;

c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Đoàn Chủ tịch đề cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHCĐ). Mỗi đại biểu được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết

và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại đại hội; Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội.

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình khác tại Đại hội;

2. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Cổ đông chú ý ký tên vào Phiếu biểu quyết.

- Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong hơn một lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ vấn đề đó. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến.

3. Thẻ lệ biểu quyết: Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Thẻ biểu quyết và 01 (một) Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (**ngày 04/5/2021**) tổng số cổ phần của công ty là **30,158,436** cổ phần tương đương với **30,158,436** quyền biểu quyết.

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- + Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

Điều 7. Bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS: Việc bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát phải được thực hiện theo *Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát* được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

Điều 8. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 9. Thi hành Quy chế: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự, khách mời họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT:

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 13 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số:29/NQ-HĐQT	17/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 4 và cả năm 2019. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2020. - Thông qua kết quả đầu tư quý 4 và cả năm 2019. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 1 năm 2020. - Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với các công ty mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc của công ty đã và đang là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT/HĐTV/HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc của các công ty đó trong thời gian ba (03) năm trở lại đây. - Thông qua báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2019. 	100%
2	Số:54/NQ-HĐQT	10/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty từ 209.438.930.000 đồng lên 301.584.360.000 đồng. 	100%
3	Số: 80/QĐ-HĐQT	26/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thay đổi Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật: Bổ nhiệm ông Lê Văn Cường – Phó Giám đốc công ty nhận chức vụ Giám đốc công ty (thay ông Nguyễn Văn Uẩn) và thay đổi người đại diện pháp luật của công ty từ ông Nguyễn Văn Uẩn sang ông Lê Văn Cường. 	100%
4	Số:87/NQ-HĐQT	02/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ. - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. 	100%
5	Số:95/NQ-HĐQT	06/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc Ủy quyền cho ông Lê Văn Cường – Giám đốc công ty, làm đại diện ký các giấy tờ giao dịch có liên quan đến khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 016-HĐTD.VIB625.18 ngày 24/01/2018 ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn. 	100%

6	Số:132/NQ-HĐQT	30/3/2020	- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, nhưng không muộn hơn ngày 30/6/2020.	100%
7	Số:171/NQ-HĐQT	07/5/2020	- Thông qua kết quả SXKD quý 1 năm 2020. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2020. - Thông qua kết quả đầu tư quý 1 năm 2020. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 2 năm 2020. - Thông qua việc TCL đầu tư hội trường tại tòa nhà TCL để TCL và Hoa Tiêu sử dụng chung. - Thông qua chủ trương cho thuê mái nhà kho ICD Tân Cảng Nhơn Trạch lắp điện năng lượng mặt trời. - Thông qua một số nội dung về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
8	Số:196/NQ-HĐQT	22/5/2020	- Thông qua việc bổ nhiệm Ông Lê Hoàng Linh làm Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty từ ngày 22/5/2020.	100%
9	Số:225/NQ-HĐQT	08/6/2020	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức lần 2 năm 2019 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ.	100%
10	Số:316/NQ-HĐQT	22/6/2020	- Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội là đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.	100%
11	Số:326/NQ-HĐQT	12/8/2020	- Thông qua kết quả SXKD quý 2 năm 2020. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 3 năm 2020. - Thông qua kết quả đầu tư quý 2 và 6 tháng đầu năm 2020. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 3/2020. - Thông qua báo cáo tình hình QTCT 6 tháng đầu năm 2020	100%
12	Số:420/NQ-HĐQT	19/11/2020	- Thông qua kết quả SXKD quý 3 năm 2020. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 4 năm 2020. - Thông qua kết quả đầu tư quý 3 và 9 tháng đầu năm 2020. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 4/2020. - Thông qua việc chi hoa hồng khuyến khích hãng tàu đưa container rỗng về khai thác tại Depot TCMT. - Thông qua việc điều chỉnh giá thuê kho và thanh lý hợp đồng thuê kho 5.000 m ² với khách hàng Toàn Cầu. - Thông qua việc điều chỉnh giá cho thuê 3 cầu Liebherr Cty đang cho Công ty CP Tân Cảng 128 – Hải Phòng thuê. - Thông qua chủ trương tăng giá nâng hạ container tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch. - Thông qua quy chế quản lý tài chính. - Thông qua việc điều chỉnh người đại diện phần vốn góp của công ty TCL và đề cử ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS tại công ty con, công ty LDLK.	100%
13	Số:425/NQ-HĐQT	30/11/2020	- Thông qua việc miễn nhiệm ông Lê Đăng Quỳnh Nghi, thôi giữ chức Phó Giám đốc công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng từ ngày 01/12/2020.	100%

2. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là ông Võ Đắc Thiệu và ông Nguyễn Xuân Bình. Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban, tuy nhiên

HĐQT đã phân công ông Nguyễn Xuân Bình - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách vấn đề nhân sự, lương, thưởng của công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã rà soát lương thưởng của Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Nội dung thù lao HĐQT, Ban kiểm soát cũng được soát xét và quyết định một cách phù hợp. Các thành viên cũng tham gia sàng lọc và lựa chọn các nhân sự Ban Điều hành; tìm kiếm lựa chọn ứng viên (thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát) phù hợp với chiến lược Công ty.

Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ công ty và góp phần đem lại kết quả cho Công ty trong việc đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi phù hợp với quy định của pháp luật.

HĐQT được đánh giá là hoạt động tốt. Về cá nhân, tất cả các thành viên HĐQT được đánh giá tốt, hiệu quả, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bổ phận của mình.

3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2020 như sau:

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp bổ sung... về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và việc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2020, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cũng báo cáo, đánh giá sát thực tình hình kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch, giải pháp định kỳ mỗi quý để báo cáo Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cũng đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định và thực hiện các giải pháp, chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty; tiếp tục triển khai các giải pháp khoán lương, thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động; chú trọng việc quản lý, triển khai quy hoạch bến, bãi để tăng dung lượng chứa container, giảm sản lượng đảo chuyển đụn bãi, góp phần giảm chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, đơn vị được đánh giá hoạt động hiệu quả, nền tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển. Nội bộ đơn vị đoàn kết, ổn định; người lao động yên tâm công tác.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công

ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: **Không có.**

Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch như sau:

- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ)
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (Công ty con)
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng (Công ty liên kết)
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành (Công ty liên kết)
- Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn (Công ty liên kết)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng (Công ty cùng Tập đoàn)
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung (Công ty cùng Tập đoàn)
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước (Công ty cùng Tập đoàn)
- Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng (Công ty cùng Tập đoàn)
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Dịch vụ Hạ tầng Á Châu
- Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics.

5. Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Họ và tên	Lương (thù lao)	Thưởng
I	Hội Đồng Quản Trị		
1	Ngô Minh Thuận	40,000,000	66,135,747
2	Lê Hoàng Linh	517,590,524	39,375,595
3	Lê Văn Cường	766,951,721	121,845,726
4	Nguyễn Văn Uẩn	529,170,236	120,038,220
5	Võ Đắc Thiệu	60,000,000	42,515,837
6	Nguyễn Xuân Bình	60,000,000	42,515,837
II	Ban Kiểm Soát		
1	Vũ Thị Lan Anh	60,000,000	42,515,837
2	Nguyễn Thị Nhu	480,435,213	104,390,331
3	Phạm Kim Oanh	30,000,000	28,343,891
III	Ban Điều Hành		
1	Lê Đặng Quỳnh Nghi	704,762,291	110,464,794
2	Phạm Văn Hùng	714,232,086	109,734,645
3	Đặng Thanh Sơn	632,480,618	107,439,325
IV	Kế Toán Trưởng		
1	Phạm Thị Thu Hà	501,841,201	53,870,084.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

A. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Thuận lợi:

– Công ty luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo trực tiếp sâu sát của HĐQT, Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng của TCT TCSG.

– Hiệp định thương mại tự do Việt Nam Liên Minh Châu Âu (EVFTA) chính thức hiệu lực từ 8/2020 đã chứng kiến một số khách hàng xuất khẩu được với thuế suất ưu đãi. Trong đó có các doanh nghiệp xuất khẩu gạo (có đóng hàng tại Bến 125 và ICD TCNT) và thủy sản (TCMT đang cung cấp dịch vụ đóng hàng lạnh) tiếp tục tăng mạnh. Trong tương lai, dự kiến Châu Âu sẽ xóa bỏ hạn ngạch và cam kết giúp Việt Nam gia tăng sản lượng xuất khẩu sang Châu Âu, giúp doanh thu đóng gạo của công ty có cơ hội tăng trưởng.

– Các làn dịch Covid bùng phát trong năm sớm được chính phủ kiểm soát, dập tắt nên không gây ảnh hưởng nhiều đến tình hình KTXH trong nước. Trong lúc ngành hàng không và vận chuyển đường bộ biên giới ảnh hưởng nặng nề; Ngành hàng hải vẫn tăng trưởng tốt. Trong đó, sản lượng container thông qua các cảng trong toàn hệ thống TCT TCSG đạt 9,36 triệu TEU, tăng 6,3% so với năm 2019. Theo khu vực, sản lượng xuất nhập khẩu khu vực TP. HCM đạt 5,63 triệu teu (+5,4%); các cảng khu vực Cái Mép 2,61 triệu Teu (+5,1%); khu vực Hải Phòng 705.084 Teu (+30,5%).

– Mặc dù tình hình XNK chung cả nước có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên dịch Covid cũng đã ảnh hưởng nặng nề đến các doanh nghiệp XNK, container tồn bãi lâu ngày đã gây áp lực cho cảng và hãng tàu. Nhận thấy tầm quan trọng của việc mở rộng hệ thống CSHT, kho bãi, Ban Lãnh đạo công ty đã tích cực chỉ đạo tìm kiếm các khu đất, bến bãi để mở rộng diện tích khai thác cho công ty. Việc nâng cấp bãi và mở rộng các depot đúng tiến độ vừa tăng khả năng chất xếp, dung lượng cho depot và giảm áp lực cho cảng Cát Lái, nâng cao năng lực hoạt động của công ty. (Bao gồm: dung lượng khu IMDG tăng thêm 2,000 teus từ cuối tháng 3/2020 và dung lượng TCMT tăng thêm 1,700 teus từ cuối tháng 5/2020).

– Công ty triển khai thực hiện phương án khoán lương theo năng suất đối với các khu vực Bến 125, IMDG, TCMT, phương tiện nâng, giúp tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công việc và đảm bảo mức thu nhập xứng đáng cho NLĐ có nhiều đóng góp cho công ty.

2. Khó khăn

– Ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, các kịch bản kinh tế năm 2020 liên tục được thay đổi và rất khó dự báo, các doanh nghiệp luôn ở thế bị động trước những vấn đề mới phát sinh. Bên cạnh đó, bão lũ, thiên tai bất thường đã gây

thiệt hại rất nặng nề cho ngành nông nghiệp và thủy sản, ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình XNK của Việt Nam.

– Phần lớn các nhà máy tại KCN Nhơn Trạch có gốc Hoa hoặc Hàn Quốc, các khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ Covid nên việc nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất giai đoạn 6 tháng đầu năm bị giảm sút nghiêm trọng. Do vậy, doanh thu của ICD TCNT chỉ đạt khoảng 70% so với KH 2020 và bằng 78% so với cùng kỳ. Khách hàng Toàn Cầu thuê kho gặp khó khăn tài chính từ giữa năm 2019 đến nay, công nợ cao và do khách hàng tái cơ cấu, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh nên kể từ tháng 9/2020 đã trả lại 5.000 m² kho cho ICD TCNT.

– Tại khu vực phía Bắc, tình hình cạnh tranh gay gắt tại thị trường Hải Phòng, các cảng được đầu tư xây dựng mới, hiện đại phía hạ lưu, các Hãng tàu từng bước upsize tàu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, hiệu quả tại Cảng Tân Cảng -128. Dự kiến năm 2020 Tân Cảng -128 lỗ lũy kế khoảng 36 tỷ đồng. Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận của công ty.

– Tình hình cạnh tranh gay gắt giữ các Depot vẫn liên tục diễn ra trong năm, nhiều Depot mới được mở ra hoặc được nâng cấp, mở rộng. Depot Tân Cảng Mỹ Thủy cũng phải liên tục nâng cấp sửa chữa bãi để đáp ứng nhu cầu của hãng tàu với chi phí nâng cấp sửa chữa bãi lớn gây ảnh hưởng tới hiệu quả của công ty.

– Trong Quý 4/2020 tình hình thiếu rỗng trầm trọng do mất cân đối giữa xuất nhập (nhập nguyên vật liệu sản xuất cont 20', xuất thành phẩm cont 40'), khiến cho các Depot của Công ty có hệ số sử dụng thấp, trong khi lượng rỗng nhập tàu trong Cát Lái ra do kẹt cầu bến tại Cát Lái nên 1 số tàu phải chuyển sang cảng khác để cập, cũng phần nào làm giảm sản lượng rỗng từ nguồn giảm tải của công ty. Dự kiến tình hình hiện tại sẽ còn kéo dài đến ít nhất hết Quý 1/2021.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2020 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	% So với KH năm	% so với Cùng kỳ
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	3,595,000	2,990,622	83.19%	85.14%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	177,150	221,611	125.10%	104.12%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,614,800	1,965,292	121.70%	144.59%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	42,300	50,992	120.55%	108.58%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	112,000	87,962	78.54%	115.14%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	63,500	16,507	26.00%	19.92%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	80,750	84,728	104.93%	87.99%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,039,150.07	1,097,700.83	105.63%
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1,007,249.00	1,064,644.30	105.70%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	31,501.07	32,359.60	102.73%
4. Thu nhập khác	400.00	696.93	174.23%
II. Tổng chi phí	915,988.45	972,804.37	106.20%
1. Giá vốn hàng bán	854,683.29	898,203.99	105.09%
2. Chi phí tài chính	8,800.00	10,040.45	114,09%
3. Chi phí bán hàng	2,500.00	10,878.63	435,15%
4. Chi phí quản lý	49,955.16	53,602.73	107.30%
5. Chi phí khác	50.00	78.56	157.12%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	123,161.62	124,896.46	101.41%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	20,732.19	21,207.46	102.29%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	102,429.42	103,689.00	101.23%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2,796.31	2,684.00	95.98%
VI. Nộp ngân sách NN (Các loại thuế, phí)	47,745.19	55,209.31	115.63%

C. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

– Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt **1,097,700.83** tỷ đồng, bằng **105,63%** kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt **124,896.46** tỷ đồng, bằng **101.41%** kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt **103,689** tỷ đồng, bằng **101.23%** kế hoạch năm.

– Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) thực hiện năm 2020 đạt 2,684 đ/cp đạt 95,98% so với kế hoạch.

Công ty đã hoàn thành tốt vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị đề ra và đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 nhất trí thông qua.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

A. Đặc điểm tình hình.

1. Thuận lợi:

– Do hội nhập kinh tế sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, nhưng cũng thể hiện sức chống chịu đáng kể. GDP dự kiến đạt 2,91% trong cả năm 2020. Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế

giới không dự báo suy thoái kinh tế, nhưng tốc độ tăng trưởng dự kiến năm 2020 đã thấp hơn nhiều so với dự báo trước khủng hoảng là 6-7%. Dự kiến năm 2021, GDP được nhà nước đặt chỉ tiêu tăng trưởng trên 6%.

– Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA)... cũng như những lo ngại về rắc rối liên quan tới thuế quan đối với hàng xuất khẩu từ Trung Quốc sang Mỹ vẫn đang tiếp diễn sẽ mang lại cơ hội cho hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2021 và sau dịch.

– Năm 2021, dự kiến sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng SNP tăng trưởng hơn 5% so với năm 2020; một số dự án của TCL trong chiến lược, kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 sẽ triển khai trong năm 2021 bao gồm hệ thống kho tại ICD TCNT (02 kho x 6.750 m²), bãi container 15 - 20 ha lân cận cảng Cát Lái giúp công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 dự kiến: 1,176,226.45 tỷ đồng tăng 7,2% so với năm 2020.

– Cảng Cát Lái dự kiến sẽ phải tăng trưởng sản lượng từ 5% so với năm 2020, để có thể đạt được mức tăng sản lượng nêu trên thì toàn bộ lượng rỗng nhập về Cảng Cát Lái sẽ phải chuyển ra các Depot liên kết, trong đó chủ yếu là Depot TCMT – Depot chủ lực của Cảng Cát Lái, tạo cơ hội cho TCL phát triển trong năm sau.

2. Khó khăn:

– Do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid 19, các kịch bản kinh tế liên tục được thay đổi và rất khó dự báo, các doanh nghiệp luôn ở thế bị động, chờ thời cơ tái cơ cấu, có đối sách phù hợp, kịp thời với những vấn đề mới phát sinh và diễn biến tình hình quốc tế, trong nước.

– Dịch Covid-19 vẫn chưa thực sự suy giảm khi thế giới, tại Nhật Bản, Anh lại đón nhận các làn sóng dịch với chủng virus mới, gây ảnh hưởng tới chiều hàng hóa qua lại với các khu vực này.

– Mặc dù chúng ta đã nỗ lực phòng chống, nhưng bão lũ, thiên tai bất thường vẫn gây thiệt hại rất nặng nề. Nhiều lĩnh vực chịu tác động nặng như nông lâm thủy sản đã ảnh hưởng trực tiếp sản lượng xuất khẩu của Việt Nam năm 2021.

– Tình trạng thiếu container rỗng được dự báo vẫn sẽ tiếp tục ít nhất cho đến hết Quý 1/2021, mặc dù các hãng tàu đã có sự chuẩn bị, điều tiết tốt hơn đối với thiết bị rỗng của mình nhưng nhu cầu xuất khẩu qua các thị trường Châu Âu, Mỹ vẫn là rất lớn. Đây vừa là cơ hội vừa là khó khăn của công ty khi chỉ cần hãng tàu điều tiết rỗng về sẽ có thể cấp ngay cho khách hàng.

– Thị phần xếp dỡ container tại bãi của TCL đang bị thu hẹp do TCT triển khai nâng cấp, hiện đại hóa thiết bị xếp dỡ trong Cảng Cát Lái; Hạ tầng cơ sở của

công ty chủ yếu đi thuê, thời hạn ngắn nên công tác duy tu sửa chữa chỉ đảm bảo phù hợp với thời gian thuê, việc này ít nhiều ảnh hưởng đến CLDV của Depot.

B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

1. Kế hoạch sản lượng năm 2021 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ (%)
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	2,990,622	2,940,000	98.31%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	221,611	222,000	100.18%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,965,292	2,050,000	104.31%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	50,992	48,000	94.13%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	87,962	92,000	104.59%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	16,507	20,000	121.16%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	84,728	100,000	118.03%

2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,097,700.83	1,176,226.45	107.15%
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1,064,644.30	1,153,430.50	108.34%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	32,359.60	22,735.95	70.26%
4. Thu nhập khác	696.93	60.00	8.61%
II. Tổng chi phí	972,804.37	1,042,924.82	107.21%
1. Giá vốn hàng bán	898,203.99	966,564.46	107.61%
2. Chi phí tài chính	10,040.45	6,860.00	68.32%
3. Chi phí bán hàng	10,878.63	15,596.00	143.36%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	53,602.73	53,784.36	100.33%
5. Chi phí khác	78.56	120.00	152.75%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	124,896.46	133,301.63	106.73%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	21,207.46	23,813.20	112.29%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	103,689.00	109,488.43	105.59%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2,684.00	2,955.20	110.10%
VI. Nộp ngân sách	55,209.31	64,309.00	116.48%

IV. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021.

1. Kết quả đầu tư năm 2020.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2020	% SỐ VỚI KH NĂM 2020
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	87,721.31	13,488.48	15.38%
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	70,476.16	2,384.45	3.38%
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2	19,341.16	2,164.35	11.19%
2	Xây kho hàng kho (khu 15 ha)	51,000.00	0.00	0.00%
3	Đầu tư container văn phòng 40 feet	135.00	130.90	96.96%
4	Kiểm toán dự án ICD TCNT		89.20	
B	Khu vực Cát Lái		705.69	
1	Đầu tư trạm cân D15 (2018)		18.98	
2	02 Cont văn phòng		268.40	
3	02 Cont kho lưu chứng từ bên 125		70.40	
4	Nhà vệ sinh khu IMO Depot 6		130.79	
5	Nhà trực cứu hỏa khu IMO Depot 6		217.12	
C	Khu vực Tân Cảng Mỹ Thủy	2,060.00	2,026.85	98.39%
1	Lắp đường dây cấp nguồn PTI tại TCMT	1,800.00	1,769.45	98.30%
2	Đầu tư container văn phòng 40 feet	260.00	257.40	99.00%
D	Xây trụ sở văn phòng	12,000.00	5,402.34	45.02%
E	Thiết kế, thi công nội thất và mua sắm TTB văn phòng	1,285.15	1,285.15	100.00%
F	Thiết kế, thi công Hội trường tòa nhà TCL	1,900.00	1,684.00	88.63%
II	MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	11,821.00	11,821.84	100.01%
1	Mua máy handheld	300.00	0.00	0.00%
2	Bản quyền C/trình QL, phần mềm máy tính	300.00	450.72	150.24%
3	Hệ thống Access point tại Cát Lái		270.72	
4	Phần mềm quản lý DT - CP		180.00	
5	Hệ thống camera các khu vực	300.00	0.00	0.00%
6	Mua 02 cầu Liebherr	10,881.00	10,880.97	100.00%
7	Mua máy chiếu phòng giao ban	40.00	38.50	96.25%
8	Mua TV QLED Samsung QA75Q65R		33.65	
9	Máy bơm Diezen khu IMO Depot 6		418.00	
III	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	-41,120.00	0.00	0.00%
1	Thoái vốn Cty CP ICD Tân cảng Cái Mép	-6,400.00	0.00	0.00%
2	Thoái vốn Cty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	-1,600.00	0.00	0.00%
3	Thoái vốn Cty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng	-33,120.00	0.00	0.00%
	TỔNG	58,422.31	25,310.32	43.32%

Tổng số tiền đầu tư năm 2020 là 25,310.32 triệu đồng (Hai mươi năm tỷ ba trăm mười triệu ba trăm mười ngàn đồng), chỉ đạt 43.32% kế hoạch đề ra. Trong đó đầu tư xây dựng cơ bản chỉ đạt 13,488.48 triệu đồng bằng 15.38% kế hoạch đề ra và việc thoái vốn tại 03 công ty chưa thực hiện được.

Nguyên nhân chủ yếu là do việc đầu tư xây kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch chưa thực hiện được. Năm 2020 ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, việc tìm kiếm khách hàng thuê kho gặp khó khăn nên công ty chưa đầu tư xây kho theo kế hoạch; ngoài ra việc thoái vốn tại Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép; Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu và Công ty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng cũng chưa thực hiện được, do thủ tục xin phép cơ quan đại diện vốn Nhà nước chưa thông qua.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH NĂM 2021
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	75,800.00
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	54,800.00
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới	3,800.00
2	Xây kho hàng kho (khu 15 ha)	51,000.00
B	Dự án nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	21,000.00
II	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (GÓP VỐN ĐIỀU LỆ)	-8,000.00
1	Thoái vốn Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép	-6,400.00
2	Thoái vốn Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	-1,600.00
	TỔNG	67,800.00

Bảng chữ: Sáu mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng./.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020

(Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TCL	Hợp nhất
Tài sản ngắn hạn	378,056.67	395,830.41
Tài sản dài hạn	517,709.80	553,170.34
Tổng cộng tài sản	895,766.47	949,000.75
Nợ phải trả	304,689.68	311,640.82
Nguồn vốn chủ sở hữu	591,076.79	637,359.93
Tổng cộng nguồn vốn	895,766.47	949,000.75
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1,064,644.30	1,089,791.66
2. Doanh thu hoạt động tài chính	32,359.60	16,551.11
3. Thu nhập khác	696.93	719.68
Giá vốn hàng bán	898,203.99	912,711.70
Chi phí tài chính	10,040.45	2,167.37

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LDLK		2,492.58
Chi phí bán hàng	10,878.63	10,892.04
Chi phí quản lý	53,602.73	61,052.89
Chi phí khác	78.56	411.88
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	124,896.46	122,319.16
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	21,207.46	21,840.51
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế	103,689.00	100,478.65

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc. Ban kiểm soát công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông về kết quả thực hiện công tác giám sát năm 2020 như sau:

**PHẦN 1
KẾT QUẢ KINH DOANH,
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2020**

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

1.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty.

Thông qua kết quả giám sát và báo cáo tài chính (báo cáo hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập A&C cho thấy Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông giao với các chỉ tiêu chính như sau :

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2019	Thực hiện 2020	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ	301.584.360.000	301.584.360.000	100%
2	Tổng Tài Sản	1.064.873.403.695	949.000.751.263	89,12%
	Trong đó			
	- Tài Sản ngắn hạn	501.153.314.276	395.830.411.621	78,98%
	- Tài Sản dài hạn	563.720.089.419	553.170.339.642	98,13%
3	Tổng nguồn vốn	1.064.873.403.695	949.000.751.263	89,12%
	Trong đó			
	- Nợ phải trả	288.800.716.477	311.640.818.626	107,91%
	- Nguồn vốn CSH	776.072.687.218	637.359.932.637	82,13%
4	Doanh thu, thu nhập khác	981.277.463.763	1.109.555.032.994	113,07%
5	Lợi nhuận trước thuế	121.603.987.827	122.319.160.476	100,59%
6	Lợi nhuận sau thuế	99.896.647.441	100.478.649.081	100,58%

7	Khả năng thanh toán			
	- Nợ phải trả/ VCSH	0,37	0,49	-
	- Khả năng thanh toán hiện hành	2,33	1,62	-
	- Khả năng thanh toán nhanh	2,30	1,60	-
8	Khả năng sinh lời			
	- Tỷ suất LN sau thuế/TTS (ROA)	9,38%	10,59%	-
	- Tỷ suất LN sau thuế/VCSH (ROE)	12,87%	15,76%	-
	- Tỷ suất LN sau thuế/DTT (ROS)	10,50%	9,22%	-
*	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.416	2.684	111,09%

Về thực hiện công tác đầu tư: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong năm 2020 công ty đã thực hiện đầu tư **25,310** tỷ đồng đạt **43,32%** kế hoạch năm.

Nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình SXKD, tài chính của các khách hàng dẫn đến việc khách hàng điều chỉnh cơ cấu kinh doanh, thu hẹp quy mô.... Vì vậy công ty chưa thực hiện đầu tư theo kế hoạch.

- Công ty chưa thực hiện việc thoái vốn tại ICD Tân cảng Cái Mép, Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu, Công ty CP Tân cảng 128 Hải Phòng theo kế hoạch do thủ tục xin phép cơ quan đại diện vốn Nhà nước chưa thông qua.

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc và qua kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy các dự án, hạng mục đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả. Trong năm, công ty đã thực hiện việc kiểm toán và quyết toán dự án hoàn thành Tòa nhà văn phòng theo quy định. Dự án mua 02 cầu Liebherr cũng đã hoàn thành, cầu đã đưa vào hoạt động.

1.2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời chỉ đạo định hướng chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, kế hoạch kinh doanh, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phù hợp thực tế tình hình sản xuất của đơn vị, góp phần đem lại hiệu quả nhất định.

- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tập trung vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đạt kết quả tốt (i) Lợi

nhuận đạt **122,319** tỷ, **(ii)** Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2020 theo KH đề ra , **(iii)** Chi trả thù lao, tiền lương cho CB CNV và thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

- Năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp, với sự tham gia đầy đủ của cả 3 thành viên. Ban kiểm soát đã tập trung vào Giám sát báo cáo tài chính, giám sát giao dịch với các bên liên quan và việc triển khai các dự án đầu tư. Kết quả giám sát cho thấy tình hình tài chính của công ty minh bạch, hiệu quả tài chính trong năm đạt ở mức cao; việc triển khai các dự án đầu tư được thực hiện tích cực, hiệu quả, hoạt động kinh doanh ngày một mở rộng phát triển và đạt hiệu quả cao; Công ty chấp hành tốt việc kê khai và nộp Ngân sách Nhà nước; thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của UBCK nhà nước và Sở GDCK Thành phố HCM; Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Thông qua giám sát cho thấy công ty đã triển khai và hoàn thành tốt các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông, sử dụng Vốn chủ sở hữu, thù lao và ngân sách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát hoạt động hiệu quả; các thành viên chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm, bổn phận của mình.

- Thù lao/Lương thưởng của từng thành viên Ban kiểm soát như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thưởng	Tổng
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	42.515.837	102.515.837
2	Nguyễn Thị Nhu	Kiểm soát viên	30.000.000	28.343.891	58.343.891
3	Phạm Kim Oanh	Kiểm soát viên	30.000.000	28.343.891	58.343.891
CỘNG			120.000.000	99.203.619	219.203.619

3. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác với các công ty có liên quan.

- Công ty không có giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó.

- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua và ký kết hợp đồng bằng văn bản đảm bảo theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, khách quan, đúng quy định. Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch các bên liên quan.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

- Ban kiểm soát cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Các

thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

- Công ty thực hiện nghiêm các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (TCL đạt Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - Nhóm vốn hóa nhỏ trong cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2020).

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình. Hội đồng quản trị gửi tài liệu họp và mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tạo điều kiện và cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho Ban kiểm soát. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, giúp công việc giám sát kịp thời, hiệu quả.

- Hội đồng quản trị tích cực giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Công ty duy trì kênh liên lạc với các cổ đông thông qua việc bổ nhiệm và công khai số điện thoại của Thư ký công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin (trên các bản công bố thông tin của công ty đều công khai số điện thoại của công ty và số điện thoại di động của Thư ký công ty để cổ đông có thể liên hệ).

PHẦN 2

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Trên cơ sở quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát thống nhất kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2021 như sau:

1. Tổ chức chỉ đạo các chương trình thẩm định báo cáo tài chính quý, năm; các quy chế, quy định nội bộ nhằm kịp thời ngăn ngừa rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty.

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành theo quy định.

3. Giám sát giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Pháp luật.

PHẦN 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, Ban kiểm soát kiến nghị Đại Hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ngoài các kết quả đạt được trong năm 2020, Ban kiểm soát lưu ý một số nội dung cần tiếp tục tập trung thực hiện trong năm 2021 như: **(1)** Tiếp tục nghiên cứu các dự án để đầu tư mở rộng phát triển SXKD để tăng năng lực sản xuất, phát triển bền vững phù hợp với chiến lược phát triển chung của TCT cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho công ty. **(2)** Tiếp tục quản trị các khoản đầu tư tài chính để hạn chế rủi ro. **(3)** Tiếp tục theo dõi và xem xét các khoản nợ phải thu khó đòi.

Thay mặt ban kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành các phòng chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát triển khai nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ cổ đông giao.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Vũ Thị Lan Anh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2021 của công ty như sau.

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập đưa vào danh sách chọn:

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban kiểm soát đề xuất 03 đơn vị kiểm toán đưa vào danh sách chọn như sau:

- 2.1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
- 2.2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 2.3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

Vũ Thị Lan Anh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm: VII chương, 22 Điều (có dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Vũ Thị Lan Anh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021

Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 22/5/2020;

- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;

- Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện.

Hội đồng Quản trị đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và KH phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020

Năm 2020, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước, giảm trừ các khoản liên quan được phân phối theo tỷ lệ:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10%/LNST
- Trích quỹ khen thưởng: 12.5%/Quỹ lương
- Trích quỹ phúc lợi: 12.5%/Quỹ lương
- Lợi nhuận chia cổ tức: 50%/VĐL

(Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2020: 301.584.360.000 đồng)

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau (ĐVT: đồng):

Tổng lợi nhuận năm 2020	124,896,462,941
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	21,207,461,646
Lợi nhuận sau thuế	103,689,001,295
Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10,368,900,130
Trích quỹ khen thưởng (12,5% Quỹ lương) (*)	8,900,532,625
Trích quỹ phúc lợi (12,5% Quỹ lương) (*)	8,900,532,625
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	550,000,000
Trích quỹ thưởng BDH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2019	147,014,966,751
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020	74,869,035,915
Lợi nhuận chia cổ tức năm 2020: 50%/VĐL	150,792,180,000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2020	71,091,822,666

Thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2020 trong tháng 7/2021; thời gian chi trả cổ tức dự kiến trước ngày 30/8/2021.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021

Năm 2021, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước, giảm trừ các khoản liên quan được phân phối theo tỷ lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển: 30%/LNST
Trích quỹ khen thưởng: 12.5%/Quỹ lương
Trích quỹ phúc lợi: 12.5%/Quỹ lương
Lợi nhuận chia cổ tức: 22%/VĐL

(Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2021: 301.584.360.000 đồng)

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau (ĐVT: đồng):

Tổng lợi nhuận kế hoạch năm 2021	133,301,630,000
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	23,813,200,000
Lợi nhuận sau thuế	109,488,430,000
Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	32,846,529,000
Trích quỹ khen thưởng (12,5% Quỹ lương) (*)	9,500,000,000
Trích quỹ phúc lợi (12,5% Quỹ lương) (*)	9,500,000,000
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	550,000,000
Trích quỹ thưởng BDH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2020	71,091,822,666
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021	56,991,901,000
Lợi nhuận chia cổ tức năm 2021: 22%/VĐL	66,348,559,200
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2021	61,735,164,466

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2021 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2021 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần ĐL GNVT XD Tân Cảng;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát.

HĐQT công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng báo cáo thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020:

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số: 194 ngày 22/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 8,000,000^d/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000^d/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 5,000,000^d/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000^d/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000^d/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2020 là 474,000,000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng chẵn).

Trong đó thù lao chi trả cho quản lý không chuyên trách là 308,500,000 đồng và 165,500,000 đồng quỹ lương (mang tính chất thù lao) chi trả cho quản lý chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

- Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và 03 ủy viên): 354,000,000 đồng/năm.

Trong đó: Chủ tịch HĐQT: 8,000,000^d/tháng; Phó chủ tịch HĐQT: 6,500,000^d/tháng; thành viên HĐQT: 5,000,000^d/tháng

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm 01 Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000 đồng/năm.

Trong đó : Trưởng ban KS : 5,000,000^d/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000^d/tháng.

Tổng cộng: 474,000,000 đồng/năm (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy tư triệu đồng chẵn*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị chấp thuận phương án trả lương

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối Nhà nước;
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của công ty. HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của người lao động là 76,000,000,000 đồng (tương ứng với mức doanh thu kế hoạch là 1,176,226,450,000 đồng và lợi nhuận trước thuế kế hoạch 133,301,630,000 đồng).

Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách: 4,800,000,000 đồng.

Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý không chuyên trách: 288,000,000 đồng.

Quỹ lương thực hiện năm 2021 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2021 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn, Công ty mẹ) thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: *Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/cho thuê bến, bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh khai thác bãi container...*

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM TV. HĐQT, TV BKS
và bầu TV. HĐQT, TV BKS thay thế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;

Căn cứ văn bản số: 1347/TCg-TCLĐ ngày 07/5/2021 của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn về việc điều chỉnh phân công người đại diện phần vốn của Tổng công ty và đề cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;

Căn cứ đơn xin từ nhiệm của 01 thành viên Hội đồng quản trị và đơn xin từ nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát;

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Uẩn – Phó chủ tịch HĐQT; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Vũ Thị Lan Anh – Trưởng ban kiểm soát và bà Phạm Kim Oanh – Kiểm soát viên.

2. Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Ghi chú
I. BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1.	Ông Hoàng Đức Thịnh	Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử
2	Ứng viên khác (nếu có).	
II. BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông Phạm Văn Phụng	Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử
2	Bà Lê Thị Kim Chung	Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử
3	Ứng viên khác (nếu có).	

Việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT/ thành viên Ban kiểm soát sẽ thực hiện theo quy chế bầu bổ sung Thành viên HĐQT được xây dựng trên cơ sở Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Dự thảo Điều lệ mới gồm: XXII chương, 70 Điều (có dự thảo Điều lệ đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC SỬA ĐỔI Quy chế nội bộ về Quản trị công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty. Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị công ty gồm: IX chương, 65 Điều (có dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị công ty đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm: VII chương, 24 Điều (có dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Hoàng Linh



QUY CHÈ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
(Ngày 15 tháng 6 năm 2021)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT/ thành viên Ban Kiểm soát theo các nội dung dưới đây:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

Công ty	: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BTC	: Ban tổ chức Đại hội
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Đại biểu	: Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể như sau:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (*nếu có*).

III. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS

1. Ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT:

- a) Số lượng thành viên HĐQT cần bầu: 01 người.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: 2021-2026
- c) Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế
- d) Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị:
 - + Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

+ Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa 03 công ty khác;

+ Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e) Quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65 % trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào BKS.

a) Số lượng thành viên BKS cần bầu: 02 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát: 2021-2026

c) Số lượng ứng cử viên BKS tối đa: không hạn chế

d) Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia BKS:

+ Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

+ Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

+ Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

+ Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

+ Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

+ Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liên trước đó;

+ Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

e) Quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề

cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65 % trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

V. Danh sách và phương thức bầu cử:

1. Danh sách ứng cử viên HĐQT/BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT/BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
- Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “số phiếu bầu”.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (nếu cần).

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của công ty.

3. Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (*theo mẫu*)

- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*)

- Bản sao các giấy tờ sau: CMND hoặc CCCD/Hộ chiếu

- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (*nếu có*)

- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như quy định.

- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Việc ứng cử, đề cử được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu do công ty ban hành) và được gửi đến công ty **chậm nhất 17 giờ 00 ngày 03/5/2021**. Thông tin liên hệ:

- Người nhận: **Ông Đào Tuấn Anh - Phòng 705, Tòa nhà TCL Building** (Phòng Đầu tư Pháp chế - Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng).

- Địa chỉ: Số: 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0903821334

- Ngoài phong bì cần ghi rõ **“Hồ sơ ứng cử/ đề cử vào HĐQT/BKS”**.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**

Lê Hoàng Linh

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CP DL GNVN XD TÂN CẢNG

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CP DL GNVN XD TÂN CẢNG

Tôi tên là:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: CP (mệnh giá 10.000đ/1CP), chiếm tỷ lệ.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

(Bằng chữ:cổ phần)

Đề nghị Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị - Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nếu được các Cổ đông tín nhiệm bầu vào Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của mình để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày tháng năm 2021

Đính kèm theo hồ sơ ứng cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh;
- Bản photocopy giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu;
- Bản sao (có công chứng) bằng cấp của ứng viên .

ỨNG CỬ VIÊN
(ký, ghi rõ họ tên)

**ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CP DL GNVT XD TÂN CẢNG**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CP DL GNVT XD TÂN CẢNG

Tôi/Đơn vị :

Số ĐKSH:Cấp ngày.....

tại :

Địa chỉ:

Là cổ đông của **Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng**, hiện đang nắm giữ: cổ phần (mệnh giá 10.000đ/1CP), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, nay đề cử :

1. Ông (Bà):Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

2 Ông (Bà):Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

tham gia ứng cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày tháng ... năm 2021

CỔ ĐÔNG

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đính kèm theo hồ sơ người được đề cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh;
- Bản photocopy giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao (có công chứng) bằng cấp của ứng viên.

Ngày tháng ... năm 2021

**BIÊN BẢN NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DL GNVT XD TÂN CẢNG**

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng, cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

tham gia ứng cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Danh sách cổ đông ký tên dưới đây đồng ý với nội dung trên:

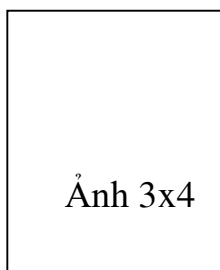
Stt	Họ tên	Số ĐKSH	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
TỔNG SỐ CỔ PHẦN					

Đính kèm theo hồ sơ người được đề cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh;
- Bản photocopy giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao (có công chứng) bằng cấp của ứng viên .

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Ứng cử viên Hội đồng quản trị)



1. Họ và tên : Giới tính :
2. Ngày tháng năm sinh :
3. CMND/CCCD số : Cấp ngày:
- tại:.....
4. Dân tộc : Quốc tịch:
5. Quê quán:
6. Địa chỉ thường trú:
7. Số điện thoại liên lạc:
8. Trình độ văn hóa:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình công tác:
-
-
-
11. Chức vụ và đơn vị công tác hiện nay:
12. Số lượng cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền: cổ phần
13. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

STT	Tên Công ty	Chức vụ mà ứng viên nắm giữ tại công ty	Ghi chú
1			
2			
3			

14. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty):.....
-
15. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử:
16. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có):.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng ... năm 2021

Người khai

TÓM TẮT THÔNG TIN ỨNG CỬ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh:

Họ và tên: HOÀNG ĐỨC THỊNH Ngày tháng năm sinh: 27/10/1974

2. Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị chuỗi cung ứng.

3. Quá trình công tác:

- Từ 9/2005 – 8/2010: Phó trưởng Terminal Cát lái 3, Phó trưởng Terminal Cát lái B, Phó Trưởng Đội TBSX, TCT Tân Cảng Sài Gòn;

- Từ 9/2010 – 8/2014: Trưởng Terminal Cát Lái B, Trung tâm Điều độ Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn;

- Từ 9/2014 – 1/2020: Phó Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn;

- Từ 2/2020 đến nay: Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn.

4. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác (nếu có): Không.

5. Số CP nắm giữ: 1.857.968 CP, chiếm 6,16 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn) sở hữu: 1.507.968 CP

+ Cá nhân sở hữu: 350.000 CP

5. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.

6. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không.

7. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có): Không.

TÓM TẮT THÔNG TIN ỨNG CỬ VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh:

Họ và tên: PHẠM VĂN PHƯƠNG

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1971

2. Trình độ học vấn: Cử nhân Luật - Đại học Luật TP HCM.

3. Quá trình công tác:

- Từ 7/1991- 4/2006: Phòng Quân sự - Bảo vệ, TCT Tân cảng Sài Gòn;
- Từ 5/2006 - 8/2019: Phòng Tổ chức lao động - Tiền lương, TCT Tân cảng Sài Gòn;
- Từ 9/2019 - nay: Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ, TCT Tân cảng Sài Gòn.

4. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác (nếu có): Không.

5. Số CP nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn) sở hữu: 0 CP

+ Cá nhân sở hữu: **0 CP**

5. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.

6. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không.

7. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có): Không.

TÓM TẮT THÔNG TIN ỨNG CỬ VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh:

Họ và tên: LÊ THỊ KIM CHUNG

Ngày tháng năm sinh: 05/07/1997

2. Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán.

3. Quá trình công tác:

- Từ 11/2019 - nay: Nhân viên kế toán Ban Quản trị tài chính, TCT Tân cảng Sài Gòn.

4. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác: Không

5. Số CP nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn) sở hữu: 0 CP.

+ Cá nhân sở hữu: 0 CP

5. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.

6. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không.

7. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có): Không.



Số:/NQ – ĐHĐCĐTN 2021

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 6 năm 2021

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty CP Đại lý GNVТ xếp dỡ Tân Cảng,
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/6/2021.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 công ty Cổ phần Đại lý GNVТ xếp dỡ Tân Cảng (TCL) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Hội trường TCL Building, 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với sự tham gia của cổ đông trực tiếp và theo ủy quyền. Tổng cộng nắm giữ: / **30,158,436** cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ, đủ điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội thống nhất ra Nghị quyết với các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2020 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	% So với KH năm	% so với Cùng kỳ
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	3,595,000	2,990,622	83.19%	85.14%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	177,150	221,611	125.10%	104.12%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,614,800	1,965,292	121.70%	144.59%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	42,300	50,992	120.55%	108.58%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	112,000	87,962	78.54%	115.14%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	63,500	16,507	26.00%	19.92%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	80,750	84,728	104.93%	87.99%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,039,150.07	1,097,700.83	105.63%
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1,007,249.00	1,064,644.30	105.70%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	31,501.07	32,359.60	102.73%
4. Thu nhập khác	400.00	696.93	174.23%
II. Tổng chi phí	915,988.45	972,804.37	106.20%
1. Giá vốn hàng bán	854,683.29	898,203.99	105.09%
2. Chi phí tài chính	8,800.00	10,040.45	114.09%
3. Chi phí bán hàng	2,500.00	10,878.63	435.15%
4. Chi phí quản lý	49,955.16	53,602.73	107.30%
5. Chi phí khác	50.00	78.56	157.12%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	123,161.62	124,896.46	101.41%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	20,732.19	21,207.46	102.29%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	102,429.42	103,689.00	101.23%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2,796.31	2,684.00	95.98%
VI. Nộp ngân sách NN (Các loại thuế, phí)	47,745.19	55,209.31	115.63%

(*) EPS kế hoạch năm 2020 đã được điều chỉnh cách tính theo đúng quy định hiện hành.

II. Kế hoạch SXKD năm 2021:

1. Kế hoạch sản lượng năm 2021 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ (%)
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	2,990,622	2,940,000	98.31%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	221,611	222,000	100.18%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,965,292	2,050,000	104.31%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	50,992	48,000	94.13%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	87,962	92,000	104.59%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	16,507	20,000	121.16%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	84,728	100,000	118.03%

2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,097,700.83	1,176,226.45	107.15%
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1,064,644.30	1,153,430.50	108.34%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	32,359.60	22,735.95	70.26%
3. Thu nhập khác	696.93	60.00	8.61%
II. Tổng chi phí	972,804.37	1,042,924.82	107.21%
1. Giá vốn hàng bán	898,203.99	966,564.46	107.61%
2. Chi phí tài chính	10,040.45	6,860.00	68,32%
3. Chi phí bán hàng	10,878.63	15.596.00	143,36%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	53,602.73	53.784.36	100,33%
5. Chi phí khác	78.56	120.00	152.75%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	124,896.46	133,301.63	106.73%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	21,207.46	23,813.20	112.29%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	103,689.00	109,488.43	105.59%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2,684.00	2,955.20	110.10%
VI. Nộp ngân sách	55,209.31	64,309.00	116,48%

Điều 3. Thông qua kết quả đầu tư năm 2020; kế hoạch đầu tư năm 2021, cụ thể như sau:

1. Kết quả đầu tư năm 2020: Tổng số tiền đầu tư thực hiện trong năm 2020: 25,310.32 triệu đồng.

Trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ bản: **13,488.48** triệu đồng
- Mua sắm TBCN: **11,821.84** triệu đồng

2. Kế hoạch đầu tư năm 2021:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH NĂM 2021
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	75,800.00
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	54,800.00
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới	3,800.00
2	Xây kho hàng kho (khu 15 ha)	51,000.00

B	Dự án nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	21,000.00
II	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (GÓP VỐN ĐIỀU LỆ)	-8,000.00
1	Thoái vốn Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép	-6,400.00
2	Thoái vốn Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	-1,600.00
	TỔNG	67,800.00

Bảng chữ: Sáu mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng./.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua báo cáo của BKS năm 2020.

Điều 6. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021, cụ thể như sau:

DHĐCĐ thường niên năm 2021 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba công ty kiểm toán sau đây và giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn.

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh TP. Hà Nội;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 7. Thông qua việc trả tiền cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

Năm 2020, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước, giảm trừ các khoản liên quan được phân phối theo tỷ lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển: 10%/LNST
Trích quỹ khen thưởng: 12.5%/Quỹ lương
Trích quỹ phúc lợi: 12.5%/Quỹ lương
Lợi nhuận chia cổ tức: 50%/VĐL

(Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2020: 301.584.360.000 đồng)

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau (ĐVT: đồng):

Tổng lợi nhuận năm 2020	124,896,462,941
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	21,207,461,646
Lợi nhuận sau thuế	103,689,001,295
Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10.368.900.130
Trích quỹ khen thưởng (12,5% Quỹ lương) (*)	8,900,532,625
Trích quỹ phúc lợi (12,5% Quỹ lương) (*)	8,900,532,625
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	550,000,000

Trích quỹ thưởng BĐH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2019	147.014.966.751
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020	74.869.035.915
Lợi nhuận chia cổ tức năm 2020: 50%/VĐL	150.792.180.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2020	71.091.822.666

Thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2020 trong tháng 7/2021; thời gian chi trả cổ tức dự kiến trước ngày 30/8/2021.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 8. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021, cụ thể như sau:

Năm 2021, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước, giảm trừ các khoản liên quan được phân phối theo tỷ lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển:	30%/LNST
Trích quỹ khen thưởng:	12.5%/Quỹ lương
Trích quỹ phúc lợi:	12.5%/Quỹ lương
Lợi nhuận chia cổ tức:	22%/VĐL

(Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2021: 301.584.360.000 đồng)

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau (ĐVT: đồng):

Tổng lợi nhuận kế hoạch năm 2021	133,301,630,000
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	23,813,200,000
Lợi nhuận sau thuế	109,488,430,000
Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	32,846,529,000
Trích quỹ khen thưởng (12,5% Quỹ lương) (*)	9,500,000,000
Trích quỹ phúc lợi (12,5% Quỹ lương) (*)	9,500,000,000
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	550,000,000
Trích quỹ thưởng BĐH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2020	71,091,822,666
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021	56,991,901,000
Lợi nhuận chia cổ tức năm 2021: 22%/VĐL	66,348,559,200
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2021	61,735,164,466

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2021 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2021 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 9. Thông qua tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020, và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 cụ thể như sau:

1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020:

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số: 194 ngày 22/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 8,000,000^d/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000^d/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 5,000,000^d/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000^d/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000^d/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2020 là 474,000,000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng chẵn).

Trong đó thù lao chi trả cho quản lý không chuyên trách là 308,500,000 đồng và 165,500,000 đồng quỹ lương (mang tính chất thù lao) chi trả cho quản lý chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và 03 ủy viên): 354,000,000 đồng/năm.

Trong đó : Chủ tịch HĐQT: 8,000,000^d/tháng; Phó chủ tịch HĐQT: 6,500,000^d/tháng; thành viên HĐQT: 5,000,000^d/tháng

Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm 01 Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000 đồng/năm.

Trong đó : Trưởng ban KS : 5,000,000^d/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000^d/tháng.

Tổng cộng: 474,000,000 đồng/năm (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng chẵn).

Điều 10. Thông qua tờ trình về việc chấp thuận phương án trả lương năm 2021, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của người lao động là 76,000,000,000 đồng (tương ứng với mức doanh thu kế hoạch là 1,176,226,450,000 đồng và lợi nhuận trước thuế kế hoạch 133,301,630,000 đồng).

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách: 4,800,000,000 đồng.

3. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý không chuyên trách: 288,000,000 đồng.

Quỹ lương thực hiện năm 2021 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2021 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

Điều 11. Thông qua tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, cụ thể như sau:

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: *Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/cho thuê bến, bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh khai thác bãi container...*

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Điều 12. Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Uẩn – Phó chủ tịch HĐQT; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Vũ Thị Lan Anh – Trưởng ban kiểm soát và bà Phạm Kim Oanh – Kiểm soát viên và bầu thành viên thay thế.

Điều 13. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty.

Điều 14. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 15. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 17. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

1. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản trị:

STT	Danh sách trúng cử HĐQT	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1			

2. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS.

STT	Danh sách trúng cử BKS	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1			
2			

Điều 17: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021 (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”), thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp Dỡ Tân Cảng thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty* là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;
- b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- đ) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p) *Đơn vị trực thuộc bao gồm* Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

q) *Chi nhánh* là đơn vị phụ thuộc của công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của công ty kể cả chức năng theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty;

r) *Văn phòng đại diện* là đơn vị phụ thuộc của công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty và bảo vệ các lợi ích đó;

s) *Địa điểm kinh doanh* là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính;

t) *Công ty con* là doanh nghiệp thuộc các trường hợp sau: (a) Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó; (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;

u) “*Công ty liên doanh, liên kết*” là công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật, hoặc thoả thuận liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật; có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường;

Công ty liên doanh, liên kết được tổ chức dưới hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần ở trong nước và nước ngoài, các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại;

v) *Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn* là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn viết tắt TCT TCSG;

w) *Người đại diện phần vốn* là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỖ TÂN CẢNG.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: TAN CANG LOGISTICS & STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TAN CANG LOGISTICS., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 470 Đường Đồng Văn Cống, khu phố 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.3 742.2234

- Fax: 028.3 742.3206

- E-mail: marketing@tancanglogistics.com.vn

- Website: www.tancanglogistics.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi giải thể công ty trước thời hạn theo Điều 66 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty thường trú tại Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì sẽ ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa

án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện theo pháp luật và người có liên quan với người đại diện theo pháp luật làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của công ty cho cổ đông và cải thiện nâng cao giá trị của công ty, điều kiện môi trường làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đúng quy định. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng được TCT TCSG giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý tàu biển. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ lo-gi-stics. Dịch vụ môi giới hàng hải. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc	5229 (Chính)

	tế	
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
4	Bốc xếp hàng hóa - Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông	5224
5	Dịch vụ đóng gói - Chi tiết: Dịch vụ kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
6	Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình dân dụng, công trình thủy lợi phục vụ cảng biển, cảng sông	4290
8	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển. Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cảng biển.	4659
9	Đại lý, môi giới, đấu giá - Chi tiết: Môi giới	4610
10	Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ cho thuê văn phòng	6810
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
13	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới container, rơ-mooc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3315
14	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

	- Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định	
15	Điều hành tua du lịch - Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912
16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu - Chi tiết: Mua bán container, rơ-mooc	4669
17	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Chi tiết: Cho thuê phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển	7730
18	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ ICD: xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh kho bãi	5210
20	Quảng cáo	7310
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ xông hơi khử trùng nông sản, diệt côn trùng, diệt chuột.	8299

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 6. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại công ty hoạt động theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 301.584.360.000 VNĐ (Ba trăm lẻ một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30,158,436 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu góp vốn cụ thể như sau:

Stt	Họ tên cổ đông sáng lập	Tổng số cổ phần		Loại cổ phần phổ thông		Tỷ lệ (%)
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.381.273	150.812.730.000	15.381.273	150.812.730.000	51
2	Cổ đông khác	14.777.136	147.771.360.000	14.777.136	147.771.360.000	49
TỔNG CỘNG		30.158.436	301.584.360.000	30.158.436	301.584.360.000	100

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ

phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức

Các quy định về sổ đăng ký cổ đông, việc mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, mua lại cổ phần, thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại các Điều từ 122 đến Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,

hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được pháp luật cho phép.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và

đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại (Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại).

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:
 - d1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;
 - d2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;
 - d3. Quyết định cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;
 - d4. Quyết định cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;
 - d5. Quyết định thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

o1) Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

o2) Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

o3) Quyết định cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

o4) Quyết định cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

o5) Quyết định thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

a) Các giao dịch quy định tại điểm q khoản 2 Điều này khi cổ đông hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền

tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 22. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó

có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu/chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp (trừ trường hợp bất khả kháng).

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Việc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức này được tổ chức tùy theo hoàn cảnh và khả năng của Công ty và được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 khoản 3 khoản 4 và khoản 5 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này (nếu có).

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 khoản 3 khoản 4 và khoản 5 Điều này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (bao gồm cả việc: Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; Định hướng phát triển công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Tổ chức lại, giải thể công ty...).

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị yêu cầu hủy bỏ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội

đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 (một) người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch 05 (năm) và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

g1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

g2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 1 tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g3. Phê duyệt đơn giá, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng;

g4. Từng hợp đồng cho vay có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g5. Phương án huy động vốn có giá trị trên 01 (một) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g6. Phê duyệt đơn giá, thời gian, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng cho thuê tài sản cố định có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g7. Phê duyệt đơn giá, thời gian, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng thuê tài sản có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g8. Phê duyệt đơn giá, thời gian, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng thuê, cho thuê có thời hạn trên 12 (mười hai) tháng và các hợp đồng thuê, cho thuê quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê tài sản gắn trên đất hoặc hạ tầng cơ sở có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g9. Đối với hợp đồng cho thuê kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc ban hành đơn giá hoặc đơn giá với biên độ % nhất định ... để Giám đốc chủ động đàm phán, ký kết hợp đồng không quá 36 tháng và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp gần nhất, trong trường hợp này không áp dụng hạn chế giá trị hợp đồng cho thuê (trường hợp ký kết hợp đồng trên 36 tháng thì phải được Hội đồng quản trị phê duyệt);

g10. Đối với cho thuê văn phòng tại tòa nhà TCL Building của hợp doanh thực hiện theo quy định của hợp doanh. (Hội đồng quản trị giao Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất với đối tác hợp doanh và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp gần nhất, trong trường hợp này không áp dụng hạn chế giá trị hợp đồng cho thuê);

g11. Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác gồm: các phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Đề xuất cơ cấu, mô hình tổ chức quản lý của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; thực hiện cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên hoặc Đại hội đồng cổ đông tại các công ty đó, thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát, chỉ đạo, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Đình chỉ quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc đề hạn chế tồn thất;

t) Được sử dụng tài sản, dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

b) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty với mức giá trị được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của công ty;

c) Biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trường hợp có chênh lệch tăng, giảm từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đã được phê duyệt, thông qua (trừ giá nguyên, nhiên, vật liệu do nhà nước thống nhất quản lý như giá điện, nước, xăng, dầu ...);

d) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của công ty tại các doanh nghiệp khác.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của không quá 02 công ty khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và đề nghị Giám đốc quyết định tiền lương, phụ cấp, quyền lợi khác của các chức danh này;

g) Giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

h) Thay mặt Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc, sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị;

i) Có quyền tham dự các cuộc giao ban, cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp;

j) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu tạm dừng những quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty, sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định xử lý đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu tạm dừng, và chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ này và các Quy chế nội bộ của công ty quy định (nếu có).

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ

chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch điều hành Hội đồng quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành Hội đồng quản trị công ty trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn

đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 13 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có

mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 48 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

c) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức như quy định tại khoản này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản họp theo quy định tại khoản 17 Điều này.

16. Lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như

ng nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Cụ thể:

a) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii. Thời gian, địa điểm họp;
- iii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết từ i đến ix thuộc điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực.

c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

18. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

19. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Quản lý công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty; điều hành công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại khoản 5 điều 162 Luật Doanh nghiệp.

5. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

6. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Bao gồm thay mặt công ty chủ động đàm phán, quyết định và ký kết các giao dịch, hợp đồng đảm bảo hiệu quả cho công ty trên cơ sở triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh theo những thông lệ tốt nhất; ban hành các nội quy, quy định, định mức nội bộ phục vụ quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh công ty hoặc Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ.

b) Được quyền quyết định và chịu trách nhiệm các triển khai các kế hoạch hợp đồng, giao dịch sau:

b1. Các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng, trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ phù hợp với biểu giá đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua thì Giám đốc công ty được quyền quyết định vượt mức này;

b2. Từng phương án huy động vốn có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng. Đối với hợp đồng huy động vốn với các tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua;

b3. Thuê tài sản, cho thuê tài sản cố định trong thời hạn không quá 12 tháng và có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng (trừ các hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn trên đất, hạ tầng cơ sở);

b4. Thực hiện ký kết các hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng thuê, cho thuê kho, bãi, cơ sở hạ tầng và dịch vụ liên quan có thời hạn không quá 12 tháng, có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng và các hợp đồng đồng thuê, cho thuê kho, bãi, cơ sở hạ tầng có giá dịch vụ, chi phí phù hợp theo biểu giá đã được Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua;

b5. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới (01) tỷ đồng.

c) Giám đốc tổ chức thực hiện, ký kết hợp đồng theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của công ty các nội dung quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 17 và điểm g Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này sau khi kế hoạch năm, kế hoạch quý và hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua/phê duyệt, không phải trình Hội đồng quản trị thông qua. Trường hợp phát sinh vượt mức hoặc ngoài danh mục dự án đầu tư, xây dựng, kế hoạch mua, bán tài sản cố định đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua/phê duyệt hằng năm, hằng quý thì Giám đốc quyết định theo thẩm quyền

quy định tại điểm b khoản này, trường hợp mức vượt quá thẩm quyền thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị quyết định. Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

d) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận;

đ) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, ngân sách hằng năm và biểu giá dịch vụ, định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hằng năm.

e) Giám đốc công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong phạm vi của Giám đốc;

Khi thực hiện ủy quyền Giám đốc công ty phải báo cáo và gửi kèm văn bản ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát theo dõi. Nội dung, phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức công ty, ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung quy chế quản lý nội bộ của công ty;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh điều hành trong công ty; trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và của TCT TCSG;

i) Quyết định tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, những người quy định tại điểm h khoản này và những người thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị;

j) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; tuyển dụng lao động, ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động và khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế công ty và của TCT TCSG;

k) Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc quyền quản lý trong công ty;

m) Giám đốc có trách nhiệm kịp thời báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị về những nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

n) Thực hiện việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị nghiệp vụ công ty kiểm tra, giám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của các công ty con, công ty có cổ phần, vốn góp của công ty, hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định và báo cáo Hội đồng quản trị.

o) Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết Hội đồng quản trị và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định (nếu có).

Trường hợp Giám đốc và những người quản lý khác nhận thấy các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chưa phù hợp thì Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị và có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản nhưng vẫn phải có trách nhiệm thực thi. Ý kiến bảo lưu được xem xét miễn trừ trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có).

Trong trường hợp Giám đốc công ty không có mặt để xử lý các công việc, Hội đồng quản trị sẽ xem xét cử Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt tạm thời giải quyết một số công việc thuộc quyền hạn của Giám đốc. Việc cử này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty hoặc hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị tán thành (nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì không được biểu quyết) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của công ty hoặc TCT TCSG;
- b) Do sức khỏe không đảm bảo công tác;
- c) Nghỉ hưu; Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng

Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, TCT TCSG;
- b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc là lao động hợp đồng.

Điều 37. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Văn phòng và các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty.

4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất ban hành

5. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 38. Thư ký Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý Công ty theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của công ty;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ công ty.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ Danh sách nói trên tại các Chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác được quyền yêu cầu trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được tiếp cận trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này;

đ) Trình tự, thủ tục trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

đ1) Những người quy tại điểm c khoản 4 Điều này bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền, yêu cầu được trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

đ2) Tại trụ sở chính, trong giờ làm việc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt đồng ý hay không đồng ý vào văn bản yêu cầu và chuyển cho Thư ký Hội đồng quản trị là người có trách nhiệm cung cấp trích lục theo phê duyệt.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty

nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 27 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để Ban Kiểm soát lập báo cáo trình lên Đại hội đồng cổ đông;

d) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết;

đ) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

e) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kiểm toán nội bộ công ty mẹ.

6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin, tài liệu khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên

vào cùng thời điểm và theo phương thức như được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty

đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng,

không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng

quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể công ty và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc công ty (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với Người lao động, và các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền tuyển dụng, ký hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người lao động theo nhu cầu hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ phù hợp và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần theo Quy chế tuyển dụng, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Điều 52. Tiền lương

Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp lương của người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của Người lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 53. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Người lao động được hưởng và đảm bảo chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ này, nội quy kỷ luật lao động hợp pháp của công ty đã đăng ký tại Cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế nội bộ khác của công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp

đến nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc công ty thực hiện xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy kỷ luật lao động của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính

năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

4. Tuân thủ các kế hoạch thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 62. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu chính thức, số lượng dấu của công ty là 01 (một) dấu được khắc theo quy định của luật pháp; và hình thức, nội dung, quản lý, sử dụng dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

Điều 63. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty;

2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 64. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Các đơn vị phụ thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của công ty. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Công ty quy định trong Điều lệ này, quy chế của công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị phụ thuộc do Giám đốc trình Hội đồng quản trị công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị phụ thuộc.

3. Văn phòng đại diện của công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp

1. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con):

Công ty là Chủ sở hữu công ty con do công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc được Đại hội đồng cổ đông công ty chấp thuận.

Thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được quy định tại điều lệ này đối với công ty con:

a) Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

b) Phê duyệt Điều lệ công ty con khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty con theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con;

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của công ty con. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên của công ty con;

đ) Quyết định hoặc phê duyệt thông qua:

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, mua tài sản cố định, hợp đồng thuê, cho thuê có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định hợp đồng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm thực hiện phương án hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

e) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty con cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty con;

g) Phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý điều hành khác của công ty con sau khi được công ty chấp thuận;

h) Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của công ty con;

i) Yêu cầu người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo tài chính quý, năm, kế hoạch tài chính chi tiết năm tiếp theo và cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

j) Giám sát, kiểm tra, kiểm toán và đánh giá các hoạt động kinh doanh sản xuất, quản lý điều hành, chấp hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con;

k) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty con sau khi công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản theo quy định pháp luật hiện hành;

l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con;

m) Trách nhiệm:

- Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty con; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con;

- Tuân thủ điều lệ công ty con;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty con và công ty;

- Xác định và tách bạch tài sản của công ty và tài sản của công ty con;

n) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con.

2. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó (gọi tắt là doanh nghiệp):

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của doanh nghiệp đó;

b) Trực tiếp quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) Người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp đó;

c) Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp đó:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của Người đại diện;

- Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp đó theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành;

- Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn xin ý kiến công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết ở doanh nghiệp đó, bao gồm: Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát; nhân sự quản lý, điều hành của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, và kế hoạch năm; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của công ty; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành;

- Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty đã góp vào doanh nghiệp đó theo thẩm quyền được pháp luật quy định;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp đó;

- Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu doanh nghiệp đó cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty;

d) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế của công ty.

3. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác (công ty liên doanh, liên kết):

Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp của công ty bằng hoặc dưới 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại doanh nghiệp đó.

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần

vốn công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mọi quan hệ giữa công ty với các công ty con và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch, hợp đồng: mua, bán, thuê, cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa của công ty với các công ty con và doanh nghiệp có vốn góp khác được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn góp do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 66. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 67. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII mục, 70 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Cường

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	2
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
Điều 6. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	9
Điều 12. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Thay đổi các quyền	18
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 24. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	34
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	37
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	38
Điều 35. Người điều hành Công ty.....	38
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	38
Điều 37. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc	42

Điều 38. Thư ký Công ty	42
Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc	43
Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan.....	43
IX. BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	45
Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát.....	45
Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát	46
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	46
Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	47
Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	48
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	48
Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng	48
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	48
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	50
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	50
XII. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	51
Điều 51. Lao động và tuyển dụng lao động.....	51
Điều 52. Tiền lương.....	51
Điều 53. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động.....	51
Điều 54. Công nhân viên và công đoàn.....	52
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	52
Điều 55. Phân phối lợi nhuận	52
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	53
Điều 56. Tài khoản ngân hàng	53
Điều 57. Năm tài chính.....	53
Điều 58. Chế độ kế toán	53
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	53
Điều 60. Báo cáo thường niên	54
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	54
Điều 61. Kiểm toán.....	54
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	54
Điều 62. Dấu của Công ty	54
XVIII. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY	55
Điều 63. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty	55
Điều 64. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc	55
Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp	55
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	59
Điều 66. Giải thể công ty.....	59
Điều 67. Thanh lý	59
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	60
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ	60
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	60
Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này	60
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	61
Điều 70. Ngày hiệu lực.....	61

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;
b) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty;

c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

e) “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

f) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

g) “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo qui định tại Điều lệ công ty;

h) “Người điều hành công ty” là Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

j) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

k) “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 14 của Quy chế này;

l) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

n) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

o) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

p) TCT TCSG là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

“Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

a) Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;

c) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

d) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

- e) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- f) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty

Chương II **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- + Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

1. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

– Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- + Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- + Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- + Phiếu biểu quyết;
- + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

– Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

– Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định;
- + Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ công ty;
- + Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

– Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

– Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

– Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

– Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

+ Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

– Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

– Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:

+ Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (trong trường hợp công ty áp dụng các hình thức này);

+ Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

+ Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của công ty.

– Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền xuất trình các loại giấy tờ sau:

+ Cổ đông cá nhân: Thư mời họp, Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền).

+ Cổ đông pháp nhân: Thư mời họp, Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, Giấy ủy quyền và Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người được ủy quyền.

Điều 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

– Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

– Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp

lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

– Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu:

– Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ phiếu biểu quyết hoặc đánh dấu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến vào thẻ biểu quyết.

– Cách thức bỏ phiếu có thể được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

– Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

– Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu:

– Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

– Đại hội sẽ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.

– Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

– Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập thống kê số phiếu biểu quyết Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn và công bố trước Đại hội.

– Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 khoản 3 khoản 4 và khoản 5 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ công ty (nếu có).

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 khoản 3 khoản 4 và khoản 5 Điều này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

– Tổng số phiếu/ thẻ tán thành, không tán thành đối từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Ban kiểm phiếu hoặc Chủ tọa thông báo sau khi tiến hành biểu quyết hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

– Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 15. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty.
 - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

– Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

– Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (bao gồm cả việc: Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; Định hướng phát triển công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Tổ chức lại, giải thể công ty...).

– Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.

– Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

+ Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

+ Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

+ Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

– Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

– Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

– Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

– Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình

thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức tương đương khác; Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất hai mươi một (10) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

(i) Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường dưới hình thức họp trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức tương đương khác;

(ii) Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử (e-voting), gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS);

(iii) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Tùy theo điều kiện và tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể quyết định họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất hai mươi một (10) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội. (Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến).

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng

quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định, ngoài ra Hội đồng quản trị có nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có liên quan lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua;
5. Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty;
6. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - + Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - + Báo cáo tài chính;
 - + Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - + Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế này.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 22. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- + Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- + Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa 03 công ty khác;
- + Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- + Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- + Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- + Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

+ Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

+ Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

+ Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

+ Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

– Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- + Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- + Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- + Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- + Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;
- + Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- + Công ty bị phá sản, giải thể;
- + Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc có văn bản thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.
- + Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- + Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- + Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

– Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định nêu trên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

+ Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 27. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 02 công ty khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và đề nghị Giám đốc quyết định tiền lương, phụ cấp, quyền lợi khác của các chức danh này;

g) Giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

h) Thay mặt Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc, sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị;

i) Có quyền tham dự các cuộc giao ban, cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp;

j) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của công ty và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

k) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu tạm dừng những quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty, sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định xử lý đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu tạm dừng, và chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ của công ty quy định (nếu có).

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch điều hành Hội đồng quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty quy định và nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành Hội đồng quản trị công ty trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 29. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản

trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Điều 30. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 31. Thông báo họp Hội đồng quản trị và Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này

không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 33. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 48 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 35. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 36. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội

dung theo quy định tại các tiết từ i đến viii thuộc điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 37. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị/nghị quyết Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản/nghị quyết đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản/nghị quyết trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự, thủ tục và quy định hiện hành.

Điều 38. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 39. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ

trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

6. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định nêu trên, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có

quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 48. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Quản lý công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty; điều hành công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

4. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 6 Điều 36 Điều lệ công ty và theo quy định của Pháp luật.

6. Trong trường hợp Giám đốc công ty không có mặt để xử lý các công việc, Hội đồng quản trị sẽ xem xét cử Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt giải quyết một số công việc trong quyền hạn của Giám đốc. Việc cử này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty hoặc hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

8. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị tán thành (nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì không được biểu quyết) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

9. Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của công ty hoặc TCT TCSG;

b) Do sức khỏe không đảm bảo công tác;

c) Nghỉ hưu; Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng

10. Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, TCT TCSG;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc là lao động hợp đồng.

Điều 50. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác

1. Phó Giám đốc:

a) Là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc;

b) Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Giám đốc về kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được phân công hoặc được ủy quyền;

c) Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng không được là thành viên Hội đồng quản trị; không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hay Phó Giám đốc;

b) Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo về các hoạt động tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo luật định;

c) Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

4. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng có thể bị miễn nhiệm, cách chức trong trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật hay Điều lệ công ty kể cả khi chưa hết nhiệm kỳ.

5. Văn phòng và các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty:

a) Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị;

b) Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chương VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

– Tại tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Ban Kiểm soát (Trưởng Ban Kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên) tham dự và có thể mời thành viên Ban Điều hành tham dự.

– Tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành tham dự.

– Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Điều hành, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

– Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày trước ngày họp.

– Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các thành viên tham dự trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 52. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc:

Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được gửi đến Ban Kiểm soát, Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nghị quyết, quyết định được ban hành.

Điều 53. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị;

b) Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.

3. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 54. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

1. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

2. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

Điều 55. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

a) Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu

Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty;

b) Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...);

c) Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát các giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan tới Giám đốc theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 56. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tin thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tạo điều kiện để Ban Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Ban Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với thành viên Ban Giám đốc để giải quyết kịp thời.

3. Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.

4. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Ban Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để cùng nhau giải quyết.

5. Khi Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất.

6. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất Công ty, Ban Kiểm soát phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải trao đổi với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII:
**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG,
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

Điều 57. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và người quản lý khác khác.

1. Đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác (dựa theo tiêu chí đánh giá quy định tại Quy chế hạt động của Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của TCT TCSG đầu tư vào doanh nghiệp khác);

b) Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

d) Việc đánh giá hoạt động của Giám đốc được thực hiện theo tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị phê chuẩn;

e) Việc đánh giá hoạt động của người quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các người điều hành này.

2. Khen thưởng:

a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại khoản 1 Điều này;

b) Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định;

c) Hình thức thưởng: Bằng tiền; Bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn.

d) Đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị quyết định trong phạm vi thù lao được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

e) Đối với đối tượng là người điều hành các bộ phận của công ty, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật liên quan. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của từng năm mà Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

3. Kỷ luật:

a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên quy định Luật lao động, Nội quy kỷ luật lao động hợp lệ của công ty và tính chất, mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu sự trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 58. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành có quyền xem xét, trích lục và sao

một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc theo quy định của Điều 38 Điều lệ công ty;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trường hợp pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì không buộc phải được Đại hội đồng chấp thuận giao dịch.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các

giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác hay để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 60. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 61. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 62. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

1. Công ty kiểm toán độc lập, Đại diện phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và có thể phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ công ty hoặc báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

2. Đại diện phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG được dự họp Đại hội đồng cổ đông (khi thấy cần thiết), trường hợp này do Người đại diện phần vốn của TCT TCSG tại công ty đăng ký Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Chương VIII ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý, người điều hành khác phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

Chương IX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong trường hợp các qui định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan đến Quy chế thay đổi thì quy chế này cũng sẽ được thay đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi đó.

2. Đề xuất về sửa đổi, bổ sung, thay thế các qui định của quy chế này sẽ được Chủ tịch HĐQT đưa ra trong một phiên họp HĐQT cho toàn thể thành viên HĐQT xem xét và cho ý kiến.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế nào đối với bất kỳ qui định nào trong quy chế này chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Điều 65. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ngày ... tháng .. năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	1
Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty	2
Chương II.....	3
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.	3
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	3
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:	3
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:	3
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:	4
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:	4
Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:	5
Điều 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:.....	5
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu:	6
Điều 12. Cách thức kiểm phiếu:	6
Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:	6
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu:.....	7
Điều 15. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:.....	8
Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:.....	8
Điều 17. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	9
Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	10
Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.	11
Chương III	11
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.	12
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 22. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 27. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	16
Điều 28. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Mục 3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 38. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.	22
Điều 39. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	22
Chương IV	23
BAN KIỂM SOÁT	23
Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.	25

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.	26
Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát.	26
Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.	26
Điều 45. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.	27
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	27
Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	28
Điều 48. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.	28
Chương V	28
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 49. Giám đốc.....	28
Điều 50. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.....	29
Chương VI:.....	30
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC	30
Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.....	30
Điều 52. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc:	31
Điều 53. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;	31
Điều 54. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	31
Điều 55. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	31
Điều 56. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.	32
Chương VII:.....	33
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	33
Điều 57. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và người quản lý khác.....	33
Chương XI.....	34
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	34
Điều 58. Công khai các lợi ích liên quan.....	34
Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác.	35
Điều 60. Giao dịch với người có liên quan.....	36
Điều 61. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.	36
Điều 62. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập	36
Chương VIII	37
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Điều 63. Đào tạo về quản trị công ty.....	37
Chương IX.....	37
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 64. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	37
Điều 65. Hiệu lực của Quy chế.....	37

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 03 công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày

thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung

theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao

cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của

Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II.....	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Chương III	7
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	7
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	8
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	9
Chương IV	9
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	9
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	11
Chương V	12
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	12
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	12
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI	14
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	14
Chương VII.....	14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	15

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường

của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chúng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

.....

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	1
Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Chương III: BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	7
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	8
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	10
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	10



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **TCL.000XXX**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **123** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 123 cổ phần



392229

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: TCL.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **123** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: 123 cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Báo cáo kết quả đầu tư năm 2020 và kế hoạch đầu tư năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Báo cáo tài chính năm 2020 (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Trả tiền cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2020; KH thù lao HĐQT, BKS 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Phương án trả lương của công ty năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 11: Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 12: Miễn nhiệm TV HĐQT; TV BKS và bầu TV thay thế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 13: Sửa đổi Điều lệ Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 14: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 15: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 16: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 15 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVN XẾP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



392173

PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MÃ ĐẠI BIỂU: TCL.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **123** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **123** cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: **123** phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu đôn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	HOÀNG ĐỨC THỊNH	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (1 người)
- Nếu bầu đôn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu đôn đều phiếu**" của các ứng viên tương ứng
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "**Số phiếu bầu**" của các ứng viên tương ứng.

Ngày 15 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVТ XẾP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



392174

PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT
MÃ ĐẠI BIỂU: TCL.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **123** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **123** cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: **246** phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	PHẠM VĂN PHƯƠNG	<input type="checkbox"/>	
2	LÊ THỊ KIM CHUNG	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (2 người)
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “**Bầu dồn đều phiếu**” của các ứng viên tương ứng
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “**Số phiếu bầu**” của các ứng viên tương ứng.

Ngày 15 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)